

Đặc điểm định danh trong từ ngữ nghề nghiệp của nghề làm lồng đèn ở thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam

Ngô Thị Thu Hương*



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

TÓM TẮT

Bài nghiên cứu này tìm hiểu đặc điểm định danh trong từ ngữ nghề nghiệp của nghề làm lồng đèn ở thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam dưới góc nhìn của ngôn ngữ học cấu trúc. Phương pháp sử dụng trong bài viết là phương pháp thống kê mô tả và mô hình hóa dữ liệu. Kết quả nghiên cứu cho thấy: 1) Về mặt cấu trúc định danh, từ ngữ nghề làm lồng đèn chủ yếu có mô hình cấu trúc định danh phức hợp (yếu tố cơ sở + yếu tố định danh 1 bậc). Điều này thể hiện nhu cầu phân biệt đối tượng nhiều hơn nhu cầu chi tiết hóa đối tượng xuất hiện trong nghề; 2) Về mặt phương thức định danh, từ ngữ nghề làm lồng đèn chủ yếu có phương thức định danh trực tiếp với những đặc điểm thuộc bản thể của đối tượng xuất hiện trong nghề (đặc điểm về hình dáng, kích thước có số lượng nhiều nhất). Điều này đã thể hiện tư duy trực quan của những người thợ làm nghề đèn lồng khi họ sử dụng những thuộc tính có thể nhận biết được thông qua thị giác để định danh đối tượng trong nghề. Những từ ngữ có phương thức định danh gián tiếp không nhiều, chúng được hình thành thông qua việc ẩn dụ/ hoán dụ những thuộc tính của bộ phận cơ thể người cũng như của các đối tượng thuộc nền văn hóa nông nghiệp địa phương. Tóm lại, nghiên cứu này đã tìm được các mô hình cấu trúc định danh và các phương thức định danh trong từ ngữ nghề nghiệp của nghề làm lồng đèn ở thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam. Một mặt, những phát hiện của nghiên cứu này đã chứng minh tư duy trực quan và tư duy dĩ nhân vi trung của những người thợ làm nghề đèn lồng. Mặt khác, những phát hiện của nghiên cứu này cũng đã chứng minh ảnh hưởng của văn hóa nông nghiệp địa phương đến cách thức định danh từ ngữ nghề nghiệp của những người thợ ở nơi đây.

Từ khóa: đặc điểm định danh, cấu trúc định danh, phương thức định danh, từ ngữ nghề nghiệp, nghề làm lồng đèn

Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam, Việt Nam

Liên hệ

Ngô Thị Thu Hương, Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam, Việt Nam

Email: ngothuon.vtd@gmail.com

Lịch sử

- Ngày nhận: 01-3-2024
- Ngày sửa đổi: 06-9-2024
- Ngày chấp nhận: 23-9-2024
- Ngày đăng:

DOI:



Bản quyền

© ĐHQG Tp.HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



1 MỞ ĐẦU

2 Mỗi cộng đồng khác nhau có những kinh nghiệm,
3 nhận thức khác nhau về các đối tượng xuất hiện trong
4 quá trình lao động sản xuất của mình. Những kinh
5 nghiệm, nhận thức khác nhau đó được phản ánh vào
6 ngôn ngữ và hình thành nên lớp từ ngữ nghề nghiệp
7 (TNNN). Lớp từ ngữ này được sử dụng hạn chế và
8 mang đậm đặc trưng văn hóa của mỗi cộng đồng làm
9 nghề¹. Vì thế, nghiên cứu về định danh (gọi tên)
10 (TNNN) nói chung, đặc biệt là định danh từ ngữ được
11 sử dụng trong các nghề truyền thống nói riêng, có vai
12 trò quan trọng trong việc tìm hiểu đặc trưng văn hóa,
13 tư duy của cộng đồng làm nghề đó.
14 Định danh trong TNNN cụ thể chưa được nghiên cứu
15 nhiều, có thể kể đến một số công trình như: *Từ ngữ*
16 *nghề nghiệp nghề gốm Quế*², *Nghiên cứu từ ngữ và văn*
17 *hóa nghề biển Thanh - Nghệ Tĩnh*³, *Từ ngữ nghề nghiệp*
18 *nghề biển ở Thanh Hóa (từ bình diện ngôn ngữ - văn*
19 *hóa)*⁴, *Nghiên cứu từ ngữ nghề nghiệp nghề cá vùng*
20 *Đồng Tháp Mười*⁵, *Nghiên cứu từ ngữ nghề nghiệp ở*
21 *Quảng Nam - Đà Nẵng*¹... Tuy nhiên chưa có công

trình nào nghiên cứu về định danh từ ngữ nghề làm
lồng đèn ở thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam (sau
đây gọi tắt là từ ngữ nghề làm lồng đèn) trong khi đây
là một trong những nghề vừa có bề dày truyền thống
cũng như vừa có đặc trưng văn hóa của cư dân sạt tị⁶.
Do đó, nghiên cứu này tìm hiểu cách thức định danh
của các từ ngữ nghề làm lồng đèn ở Hội An, tỉnh
Quảng Nam để thấy được văn hóa của người lao động
nơi đây trong việc gọi tên các đối tượng xuất hiện
trong quá trình lao động sản xuất. Qua đó, nghiên
cứu hướng đến việc phục vụ công tác bảo tồn, quảng
bá và phát huy giá trị ngôn ngữ, văn hóa của các nghề
truyền thống nói chung, nghề truyền thống ở thành
phố Hội An, tỉnh Quảng Nam nói riêng - một trong
những điểm đến du lịch văn hóa nổi tiếng ở Việt Nam,
nhằm đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu phát triển kinh tế
- xã hội của cộng đồng làm nghề này.

NỘI DUNG CHÍNH

Một số khái niệm và phương pháp được sử dụng trong nghiên cứu

Trích dẫn bài báo này: Hương N T T. Đặc điểm định danh trong từ ngữ nghề nghiệp của nghề làm lồng đèn ở thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam. *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.* 2024; (1):1-8.

42 **Một số khái niệm được sử dụng trong nghiên cứu**

43 **Khái niệm định danh**

44 Trong nghiên cứu này chúng tôi sử dụng quan điểm
45 của G. V. Cònsansky, định danh chính là sự gán một
46 ký hiệu ngôn ngữ vào một khái niệm (biểu niệm) phản
47 ánh những đặc trưng nhất định của một biểu vật (các
48 thuộc tính, phẩm chất và quan hệ của các đối tượng và
49 các quá trình) thuộc phạm vi vật chất cũng như tinh
50 thần [dẫn theo⁷, tr.164]. Đồng thời, chúng tôi cũng
51 sử dụng quan điểm của Nguyễn Đức Tôn khi cho rằng
52 quá trình hình thành đơn vị ngôn ngữ để định danh
53 hay gọi tên đối tượng chính là vấn đề lựa chọn những
54 đặc trưng nhất định, có giá trị khu biệt nó với những
55 đối tượng cùng loại khác để làm cơ sở cho việc gọi tên
56 đối tượng [⁷, tr.84].

57 Mặt khác, có thể thấy, trong các ngôn ngữ đơn lập,
58 phân tích tính như tiếng Việt, từ đơn là đơn vị từ vựng
59 vừa nhỏ nhất có nghĩa, vừa có khả năng hoạt động
60 độc lập. Loại đơn vị ngôn ngữ này biểu thị những sự
61 vật, hiện tượng hay quá trình nhất định. Chúng được
62 con người nhận thức và gán cho nó một ý nghĩa biểu
63 niệm nhất định mà hiện tại, người ta chưa hoặc khó
64 tìm ra được lý do định danh cho những đơn vị ngôn
65 ngữ đó. Vì thế, trong các công trình nghiên cứu về
66 định danh ngôn ngữ hiện nay, hầu như các tác giả chỉ
67 nghiên cứu những đơn vị ngôn ngữ có những thành
68 tố đã rõ nghĩa. Bởi vì, sau khi cộng đồng nhất định
69 tiếp xúc với một khách thể mới, họ đã tìm hiểu và
70 vạch ra một loạt đặc trưng nào đó vốn có trong nó.
71 Tiếp đến, họ chọn những đặc trưng nào mà họ thấy là
72 tiêu biểu, dễ khu biệt nó với đối tượng khác để làm cơ
73 sở định danh. Tuy nhiên, mỗi cộng đồng khác nhau
74 sẽ lựa chọn những đặc trưng khác nhau để làm cơ sở
75 gọi tên - định danh cho nó. Như vậy, việc định danh
76 những sự vật, hiện tượng hay quá trình nói chung, và
77 đối tượng xuất hiện trong một nghề cụ thể nào đó nói
78 riêng, vừa mang tính chủ quan của mỗi cộng đồng
79 làm nghề, vừa chịu áp lực từ hệ thống ngôn ngữ khi
80 đặt tên các sự vật, hiện tượng xuất hiện trong nghề.

82 **Khái niệm cấu trúc định danh**

83 Nghiên cứu này sử dụng khái niệm cấu trúc định danh
84 trên cơ sở những nghiên cứu về định danh các đơn vị
85 trong ngôn ngữ nói chung, nghiên cứu về định danh
86 trong TNNN nói riêng^{1,4,5}. Trong nghiên cứu về cấu
87 trúc định danh, người ta thường chia làm hai loại: cấu
88 trúc định danh đơn giản (còn được gọi là cấu trúc
89 định danh cơ bản) và cấu trúc định danh phức hợp
90 (còn được gọi là cấu trúc định danh phái sinh). Cấu
91 trúc định danh đơn giản là cấu trúc định danh chỉ có
92 một yếu tố cơ sở. Yếu tố cơ sở này thường là đơn vị

từ vựng nhỏ nhất có nghĩa và có khả năng hoạt động
độc lập để tạo nên những đơn vị ngôn ngữ lớn hơn
như cụm từ/ ngữ hoặc câu; cụ thể trong tiếng Việt là
từ đơn. Trong khi đó, cấu trúc định danh phức hợp là
cấu trúc định danh kết hợp giữa yếu tố cơ sở với một
hoặc một số yếu tố định danh. Càng nhiều yếu tố định
danh tham gia vào cấu trúc định danh phức hợp thì
đối tượng càng được định danh một cách chi tiết và
ngược lại. Có thể thấy, cấu trúc định danh phức hợp
có thể giải thích được lý do của việc định danh các
đơn vị ngôn ngữ.

Khái niệm phương thức định danh

Khái niệm phương thức định danh được chúng tôi kế
thừa từ thành quả nghiên cứu về định danh các đơn
vị ngôn ngữ^{1,3-5,7}. Theo những nghiên cứu này, dựa
trên cơ sở tính chất của mối liên hệ giữa đặc trưng
hay đặc điểm của đối tượng định danh với đặc tính
tri giác của chủ thể định danh, người ta chia phương
thức định danh làm hai loại: phương thức định danh
trực tiếp và phương thức định danh gián tiếp. Phương
thức định danh trực tiếp là cách thức định danh dựa
vào đặc trưng hay đặc điểm của đối tượng được gọi
tên. Trong những đặc trưng hay đặc điểm đó, có
những loại thuộc bản thể và những loại ngoài bản
thể. Những đặc trưng hay đặc điểm thuộc bản thể
của đối tượng được định danh là những đặc điểm về
màu sắc, hình dáng, mùi vị, giới tính,... của đối tượng
định danh. Những đặc trưng hay đặc điểm ngoài bản
thể của đối tượng được định danh là những đặc điểm
về mục đích, quy mô, thời gian, vị trí,... được chủ thể
nhận thức gán cho đối tượng định danh. Lối định
danh này cho thấy mối liên hệ trực tiếp giữa những
đặc trưng hay đặc điểm định danh của đối tượng được
gọi tên với đặc tính tri giác đối tượng của chủ thể định
danh. Trong khi đó, phương thức định danh gián tiếp
là cách thức định danh dựa trên hiện tượng chuyển
nghĩa của từ thông qua việc ẩn dụ/ hoán dụ những
thuộc tính của đối tượng được liên tưởng để định
danh TNNN. Phương thức định danh này cho thấy
mối liên hệ gián tiếp giữa đặc trưng hay đặc điểm định
danh của đối tượng định danh với đặc tính tri giác của
chủ thể định danh.

Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện nghiên cứu này, nhóm tác giả sử dụng
phương pháp điều tra điển dã với công cụ nghiên cứu
là phỏng vấn sâu để thu thập TNNN được sử dụng
trong nghề làm lồng đèn. Đối tượng phỏng vấn sâu
trong nghiên cứu này là những người thợ, những nghệ
nhân làm lồng đèn có kinh nghiệm và có tay nghề
cao. Nội dung phỏng vấn sâu gồm những thông tin
liên quan đến nghề làm lồng đèn ở Hội An như: công

144 cụ, nguyên liệu, hoạt động, tên sản phẩm,... được sử
 145 dụng trong nghề. Nhóm tác giả đã sử dụng những
 146 thông tin được cung cấp đó làm dữ liệu phân tích
 147 trong nghiên cứu.
 148 Mặt khác, nghiên cứu này sử dụng phương pháp
 149 thống kê mô tả 41 đơn vị từ ngữ được sử dụng trong
 150 nghề làm lồng đèn. Đây là những đơn vị từ ngữ mà
 151 chúng tôi thu thập được sau khi thực hiện phỏng vấn
 152 sâu. Đồng thời, nghiên cứu còn sử dụng thủ pháp mô
 153 hình hóa nhằm khái quát các mô hình cấu trúc định
 154 danh để giúp người đọc có thể hình dung rõ hơn về
 155 cách thức định danh của từ ngữ nghề làm lồng đèn,
 156 cũng như giúp họ thấy được tư duy và văn hóa được
 157 thể hiện qua ngôn ngữ của cộng đồng làm nghề.

158 Kết quả nghiên cứu

159 Cấu trúc định danh

160 Từ ngữ nghề làm lồng đèn được chúng tôi xếp vào hai
 161 nhóm: nhóm từ ngữ có cấu trúc định danh đơn giản
 162 và nhóm từ ngữ có cấu trúc định danh phức hợp, có
 163 số lượng và tỉ lệ như ở Bảng 1.

164 Kết quả phân tích dữ liệu cho thấy từ ngữ nghề làm
 165 lồng đèn có cấu trúc định danh đơn giản có số lượng
 166 và tỉ lệ ít (có 3/41 đơn vị, chiếm 7,3%) (xem Bảng 1).

167 Đây là những đơn vị ngôn ngữ được cấu tạo bởi yếu tố
 168 cơ sở (yếu tố mang nghĩa chỉ loại), chẳng hạn: *họng*
 169 (đèn), *râu* (đèn), *sườn* (đèn). Đây là những đơn vị
 170 ngôn ngữ chỉ bộ phận của cơ thể người và động vật,
 171 thuộc nhóm từ vựng cơ bản trong mỗi một ngôn ngữ
 172 nói chung, tiếng Việt nói riêng. Những đơn vị ngôn
 173 ngữ này có thể cấu tạo thành những từ ngữ có cấu trúc
 174 phức tạp hơn, chẳng hạn như *sườn* có thể được ghép
 175 với *ráp* thành *ráp sườn* (biểu thị công đoạn định hình
 176 cho sản phẩm trước khi *dán vải*) ... Theo kết quả phân
 177 tích, những từ ngữ có cấu trúc định danh đơn giản
 178 hoàn toàn thuộc nhóm từ ngữ về đặc điểm cấu tạo
 179 của sản phẩm trong nghề làm lồng đèn (xem Hình 1).
 180 Trong khi đó, những từ ngữ nghề làm lồng đèn có cấu
 181 trúc định danh phức hợp có số lượng lớn (38/41 đơn
 182 vị, chiếm khoảng 92,7%) (xem Bảng 1). Đây là những
 183 từ ngữ được cấu tạo bởi yếu tố cơ sở kết hợp với một
 184 hoặc nhiều yếu tố định danh (mô hình cấu trúc 2 và
 185 mô hình cấu trúc 3). Từng loại từ ngữ nghề làm lồng
 186 đèn có cấu trúc định danh phức hợp được thể hiện ở
 187 Bảng 2.

188 Từ ngữ nghề làm lồng đèn có mô hình cấu trúc định
 189 danh 2 là những từ ngữ được định danh trên cơ sở
 190 kết hợp giữa yếu tố cơ sở với yếu tố định danh 1 bậc
 191 để khu biệt các sự vật, hiện tượng hay quá trình làm
 192 lồng đèn, chẳng hạn: *vót nan*, *dán vải*, *giấy gương*, *giấy*
 193 *trong*, *giấy bia*, ...

194 Từ ngữ nghề làm lồng đèn có mô hình cấu trúc định
 195 danh 3 là những từ ngữ được định danh trên cơ sở kết

196 hợp giữa yếu tố cơ sở với yếu tố định danh 2 bậc, khu
 197 biệt các sự vật, hiện tượng hay quá trình làm lồng đèn
 198 chẳng hạn: *lồng đèn quả cà na*^a, *lồng đèn củ tỏi*, *lồng*
 199 *đèn quả táo*, ...

200 Kết quả thống kê ở Bảng 2 cho thấy, từ ngữ nghề làm
 201 lồng đèn có mô hình cấu trúc định danh 2 chiếm số
 202 lượng nhiều hơn mô hình cấu trúc định danh 3. Điều
 203 này cho thấy, nhu cầu phân biệt nhiều hơn nhu cầu
 204 chi tiết hóa các sự vật, hiện tượng hay quá trình (đối
 205 tượng trong nghề) của những người trong nghề làm
 206 lồng đèn.

207 Mặt khác, từ ngữ nghề làm lồng đèn có cấu trúc định
 208 danh phức hợp được phân bố ở hầu hết các nội dung
 209 biểu thị (có 5/6 nhóm từ ngữ có cấu trúc định danh
 210 phức hợp), đặc biệt là nhóm từ ngữ biểu thị tên sản
 211 phẩm (có 16/38 đơn vị, chiếm 42,1%) và thao tác/
 212 công đoạn sản xuất (có 11/38 đơn vị, chiếm 26,8%),...
 213 (xem hình 1). Kết quả nghiên cứu cho thấy nhu cầu
 214 chi tiết hóa của mỗi nhóm từ ngữ được sử dụng trong
 215 nghề làm lồng đèn: nhóm từ ngữ biểu thị tên sản
 216 phẩm như *lồng đèn quả cà na*, *lồng đèn chùa Cầu*, *lồng*
 217 *đèn Phước Lộc Thọ*, *lồng đèn củ tỏi*,... có nhu cầu chi
 218 tiết hóa nhiều hơn nhóm từ ngữ biểu thị thao tác/
 219 công đoạn trong nghề như: *chạy chỉ*, *xâu nan*, *ráp*
 220 *sườn*,...

221 Kết quả nghiên cứu này cũng tương đồng với kết quả
 222 nghiên cứu định danh TNNN nghề chạm khắc đá
 223 Non Nước (Đà Nẵng), khi số lượng các đơn vị từ ngữ
 224 có cấu trúc định danh phức hợp nhiều hơn những đơn
 225 vị có cấu trúc định danh đơn giản. Tuy nhiên, điểm
 226 khác biệt trong cấu trúc định danh của TNNN nghề
 227 làm lồng đèn Hội An với TNNN nghề chạm khắc đá
 228 Non Nước (Đà Nẵng) là: TNNN nghề chạm khắc đá
 229 Non Nước có ba mô hình cấu trúc định danh phức
 230 hợp trong khi TNNN nghề làm lồng đèn có hai mô
 231 hình cấu trúc định danh phức hợp. Điều này cho thấy
 232 TNNN nghề chạm khắc đá Non Nước có nhu cầu chi
 233 tiết hóa đối tượng trong nghề nhiều hơn TNNN nghề
 234 làm lồng đèn. Mặt khác, TNNN nghề chạm khắc đá
 235 Non Nước có sự chênh lệch lớn về tỉ lệ từ ngữ có mô
 236 hình cấu trúc định danh phức hợp: mô hình cấu trúc
 237 định danh 2 chiếm 78,1%), mô hình cấu trúc định
 238 danh 3 chiếm 20,3%, mô hình cấu trúc định danh 4
 239 chiếm 1,6%⁸. Trong khi đó, TNNN nghề làm lồng
 240 đèn không có sự chênh lệch lớn về tỉ lệ từ ngữ có mô
 241 hình cấu trúc định danh phức hợp: những từ ngữ có
 242 cấu trúc định danh 2 chiếm 57,9%, nhiều hơn cấu trúc
 243 định danh 3, chiếm 42,1% (xem Bảng 2). Điều này cho
 244 thấy, nghề làm lồng đèn Hội An tuy có nhu cầu phân
 245 biệt đối tượng trong nghề nhiều hơn nhu cầu chi tiết
 246 hóa đối tượng trong nghề, nhưng nhu cầu chi tiết hóa
 247 đối tượng trong nghề cũng không phải là nhỏ.

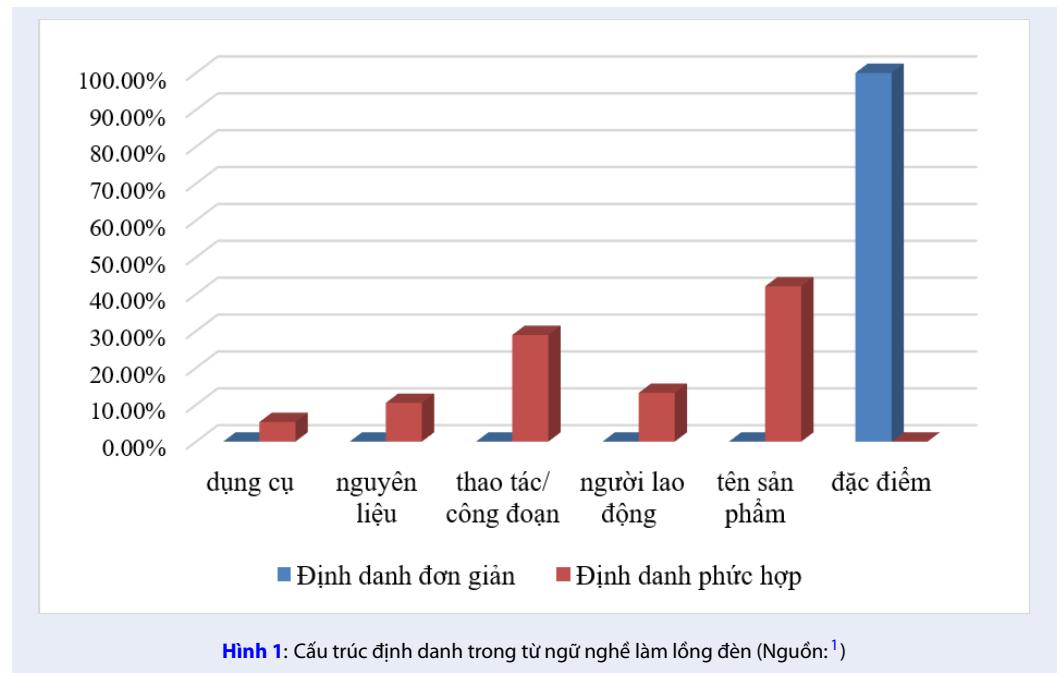
^aCà na: cây to, thân thẳng, lá kép lông chim, quả hình thoi như quả trám, có thể muối làm thức ăn [9, tr.97].

Bảng 1: Mô hình cấu trúc định danh trong từ ngữ nghề làm lồng đèn (Nguồn: ¹)

STT	Cấu trúc định danh	Mô hình định danh	Ví dụ	Số lượng	Tỉ lệ %
1	Định danh đơn giản	yếu tố cơ sở (mô hình cấu trúc 1)	sườn, họng, râu	3	7,3
2	Định danh phức hợp	yếu tố cơ sở + yếu tố định danh 1 bậc (mô hình cấu trúc 2)	đán vải, ráp sườn, chạy chỉ, giấy gương, giấy bia,...	38	92,7
		yếu tố cơ sở + yếu tố định danh 2 bậc (mô hình cấu trúc 3)	lồng đèn quả cà na, lồng đèn quả táo, lồng đèn bánh ú,...		
	Tổng			41	100

Bảng 2: Mô hình cấu trúc định danh phức hợp trong từ ngữ nghề làm lồng đèn (Nguồn: ¹)

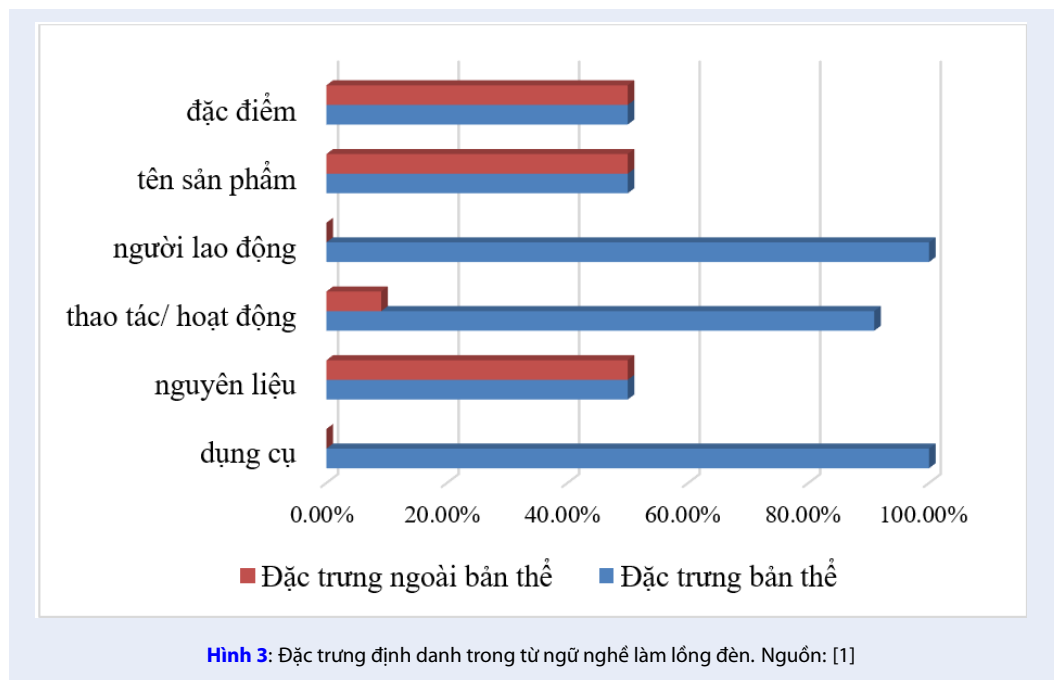
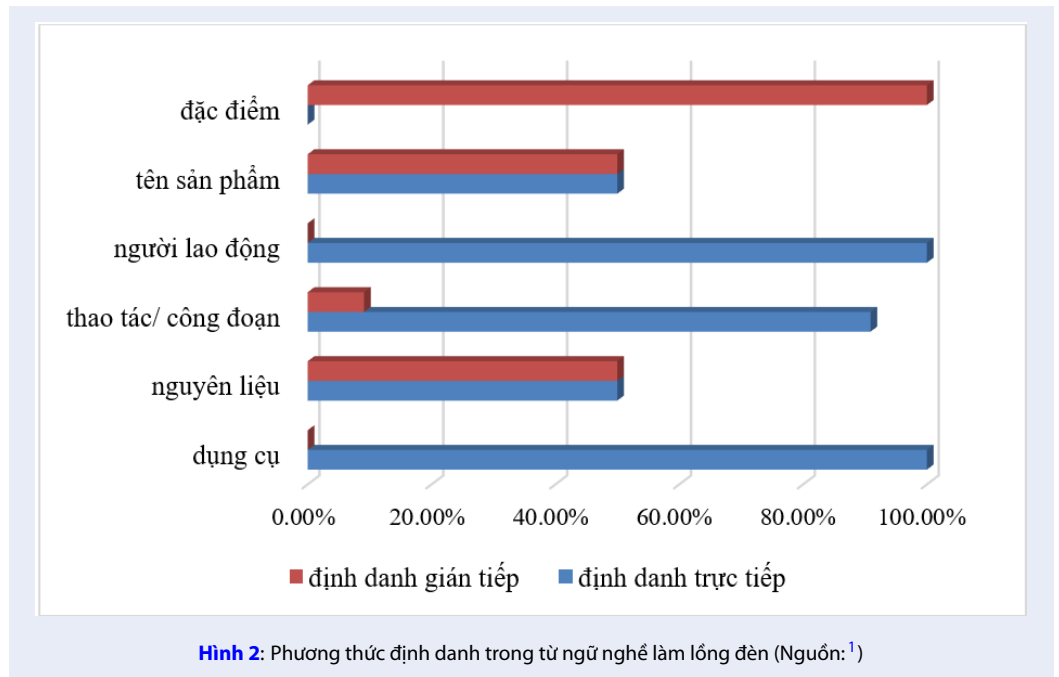
STT	Mô hình	Ví dụ	Số lượng	Tỉ lệ %
	cấu trúc định danh			%
1	Mô hình cấu trúc 2	giấy bia, giấy trong, giấy gương, ...	22	57,9
2	Mô hình cấu trúc 3	lồng đèn quả táo, lồng đèn quả cà na, lồng đèn quả bí, lồng đèn củ tỏi, ...	16	42,1
	Tổng		38	100



248 **Phương thức định danh**

249 Phân tích phương thức định danh của 41 từ ngữ nghề
 250 làm lồng đèn cho thấy, số lượng từ ngữ được định
 251 danh theo phương thức định danh trực tiếp nhiều hơn
 252 định danh theo phương thức gián tiếp (xem Bảng 3).
 253 Những từ ngữ nghề làm lồng đèn có phương thức
 254 định danh trực tiếp chiếm số lượng lớn trong số từ
 255 ngữ mà chúng tôi khảo sát (có 27/41 đơn vị, chiếm
 256 65,9%). Trong đó, nhóm từ ngữ biểu thị thao tác/ công
 257 đoạn có phương thức định danh trực tiếp chiếm số
 258 lượng lớn (có 10/11 đơn vị, chiếm 90,9%), chẳng hạn:
 259 *ráp sườn, dán vải,...*; nhóm từ ngữ biểu thị sản phẩm
 260 có phương thức định danh trực tiếp chiếm số lượng
 261 lớn (có 8/8 đơn vị, chiếm 100%), chẳng hạn: *lồng đèn*
 262 *gỗ, lồng đèn sắt,...* (xem Hình 2).
 263 Kết quả phân tích dữ liệu nghiên cứu cho thấy, từ ngữ
 264 nghề làm lồng đèn có đặc trưng thuộc bản thể của đối
 265 tượng định danh có số lượng và tỉ lệ ít hơn từ ngữ
 266 nghề làm lồng đèn có đặc trưng ngoài bản thể của
 267 đối tượng định danh. Tuy nhiên, sự chênh lệch về số
 268 lượng và tỉ lệ giữa hai nhóm từ ngữ này không nhiều
 269 (xem Bảng 4). Điều này cho thấy tư duy trực quan của
 270 người thợ làm nghề lồng đèn ở Quảng Nam trong việc
 271 định danh TNNN.
 272 Cũng theo kết quả phân tích dữ liệu cho thấy, mỗi
 273 nhóm từ ngữ biểu thị nội dung khác nhau có đặc trưng
 274 định danh khác nhau, cụ thể là, những đặc trưng
 275 ngoài bản thể của đối tượng định danh được sử dụng
 276 trong tất cả các nhóm từ ngữ trong khi những đặc
 277 trưng thuộc bản thể của đối tượng định danh được sử
 278 dụng trong một số nhóm từ ngữ: nhóm từ ngữ biểu
 279 thị đặc điểm của đối tượng biểu thị, nhóm từ ngữ biểu
 280 thị nguyên liệu, nhóm từ ngữ biểu thị tên sản phẩm,
 281 nhóm từ ngữ biểu thị thao tác/ công đoạn sản xuất
 282 (xem Hình 3).
 283 Trong đó, nhóm từ ngữ có đặc điểm định danh về
 284 hình dáng, kích thước có số lượng và tỉ lệ nhiều nhất
 285 (có 10/41 đơn vị, chiếm 37%) (xem Bảng 5). Điều này
 286 cho thấy lối tư duy trực quan của người làm nghề đèn
 287 lồng ở thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam trong việc
 288 định danh đối tượng trong nghề.
 289 Kết quả phân tích dữ liệu cho thấy từ ngữ nghề làm
 290 lồng đèn sử dụng 6 đặc điểm định danh (hình dáng,
 291 kích thước; chất liệu; tính chất; nguồn gốc; cách thức
 292 hoạt động; đối tượng tác động) để định danh cho 5
 293 nội dung biểu thị (biểu thị dụng cụ, nguyên liệu, thao
 294 tác/ công đoạn, người lao động, sản phẩm). Trong đó,
 295 nhóm từ ngữ sử dụng đặc điểm định danh về hình
 296 dáng, kích thước có số lượng lớn nhất (có 10/27 đơn
 297 vị, chiếm 37,04%), đặc điểm định danh về cách thức
 298 hoạt động (có 6/27 đơn vị, chiếm 22,22%) và đặc điểm
 299 định danh về tính chất có số lượng ít nhất (có 1/27 đơn
 300 vị, chiếm 3,7%), ... (xem Bảng 5).

Phân tích dữ liệu cho thấy có sự phân bố khác nhau
 về đặc điểm định danh của mỗi nhóm từ ngữ được sử
 dụng trong nghề làm lồng đèn, chẳng hạn đặc điểm
 chất liệu có ở nhóm từ ngữ biểu thị tên sản phẩm; đặc
 điểm hình dáng, kích thước có ở nhóm từ ngữ biểu
 thị tên sản phẩm, thao tác/ công đoạn; đặc điểm tính
 chất chỉ có ở nhóm từ ngữ biểu thị nguyên liệu cũng
 như đặc điểm chất liệu chỉ có ở nhóm từ ngữ biểu thị
 sản phẩm; ... (xem Hình 4).
 Bên cạnh những từ ngữ được định danh bằng phương
 thức định danh trực tiếp, từ ngữ nghề làm lồng đèn
 còn có những đơn vị sử dụng phương thức định
 danh gián tiếp (có 14/41 đơn vị, chiếm 34,1%) (xem
 Bảng 3). Đó là việc ẩn dụ những thuộc tính vị trí của
 bộ phận cơ thể người và động vật để định danh vị trí
 của bộ phận sản phẩm lồng đèn: *sườn* (đèn), *họng*
 (đèn),... Với phương thức ẩn dụ lấy con người làm
 trung tâm (đĩ nhân vi trung), những người làm nghề
 làm lồng đèn sử dụng thuộc tính hình thức “có dạng
 ống tròn” ở từ *họng*; thuộc tính “có dạng sợi, dài” ở
 từ *râu,...*⁹ để liên tưởng tới chi tiết của sản phẩm lồng
 đèn như *họng* (đèn), *râu* (đèn), ... Ngoài ra, những
 người làm nghề lồng đèn còn thông qua sự liên tưởng
 các thuộc tính của đối tượng thuộc nền văn hóa nông
 nghiệp ở địa phương để định danh đối tượng trong
 nghề, chẳng hạn người làm lồng đèn gọi tên những
 sản phẩm có hình dạng “cong dẫn đều” (trông giống
 quả táo) là *lồng đèn quả táo*, gọi tên những sản phẩm
 có hình dạng “phần phía trên thu nhỏ, phình dần về
 phía dưới” (trông giống củ tỏi) là *lồng đèn củ tỏi*. Đặc
 biệt với những sản phẩm có hình dạng “hai đầu nhỏ,
 phần giữa phình ra (trông giống hình thoi hay hình
 quả trám), người thợ làm nghề lồng đèn gọi là *lồng*
đèn quả cà na (một loại quả nhon hai đầu, thường có
 ở khu vực miền Trung Việt Nam). Hay với loại lồng
 đèn “hình tháp, có bốn góc” (trông một loại bánh ở
 miền Trung Việt Nam), người làm lồng đèn gọi là *lồng*
đèn bánh ú,... Qua đó, có thể thấy cách thức người
 làm nghề lồng đèn định danh gián tiếp các đối tượng
 xuất hiện trong nghề: thông qua việc ẩn dụ những
 thuộc tính thuộc bộ phận cơ thể người và động vật
 cũng như ẩn dụ/ hoán dụ những thuộc tính của các
 đặc sản nông nghiệp địa phương của cư dân sở tại.
 Điều này không những cho thấy tư duy “đĩ nhân vi
 trung” của người làm nghề lồng đèn mà còn cho thấy
 ảnh hưởng của văn hóa nông nghiệp địa phương đến
 từ ngữ của người làm nghề lồng đèn ở Hội An, tỉnh
 Quảng Nam.
 Nghiên cứu về cách thức định danh của TNNN của
 một số nghề truyền thống cho thấy TNNN nghề làm
 lồng đèn Hội An có sự tương đồng với TNNN một số
 nghề truyền thống khác: có phương thức định danh
 trực tiếp nhiều hơn phương thức định danh gián tiếp.



Bảng 3: Phương thức định danh trong từ ngữ nghề làm lồng đèn (Nguồn: ¹)

STT	Phương thức định danh	Ví dụ	Số lượng	Tỉ lệ %
1	Định danh trực tiếp	thợ lắp ráp, thợ dán, thợ vót nan,...	27	65,9
2	Định danh gián tiếp	chạy chỉ, sườn, họng, râu,...	14	34,1
	Tổng		41	100

Bảng 4: Đặc trưng định danh trong từ ngữ nghề làm lồng đèn. (Nguồn: ¹)

STT	Đặc trưng định danh	Ví dụ	Số lượng	Tỉ lệ %
1	Đặc trưng thuộc bản thể	lồng đèn sắt, lồng đèn vuông, lồng đèn gỗ, lồng đèn tre,...	14	51,9
2	Đặc trưng ngoài bản thể	len công nghiệp, máy tự chế,...	13	48,1
	Tổng		27	100

Bảng 5: Đặc điểm định danh của từ ngữ nghề làm lồng đèn. (Nguồn: ¹)

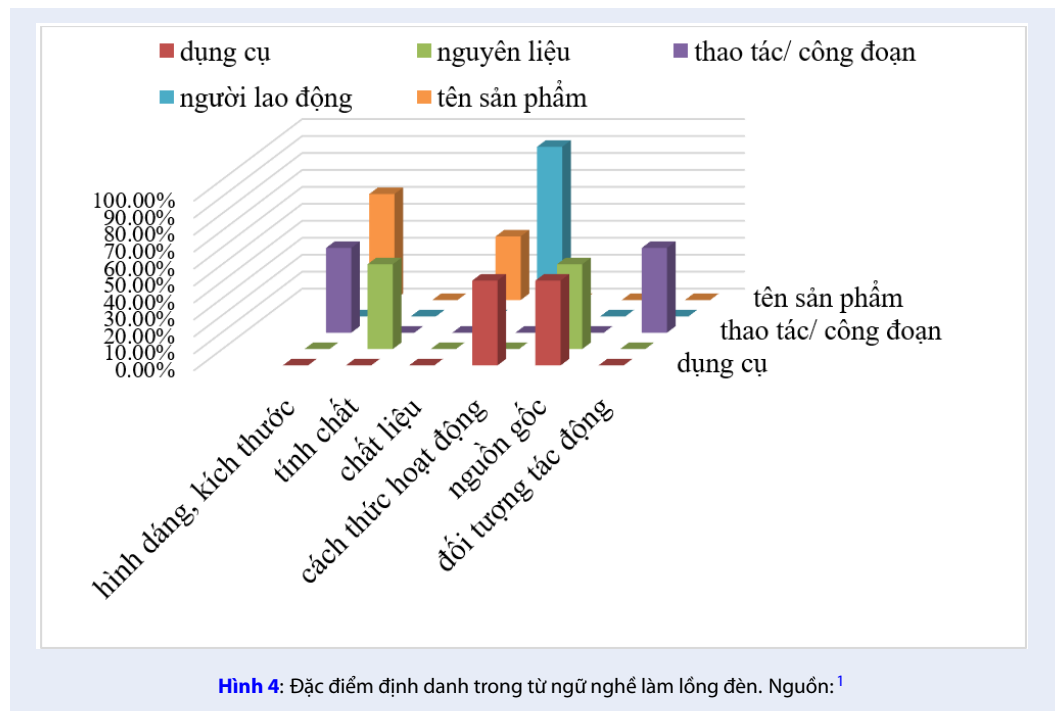
STT	Đặc điểm định danh	Số lượng	Tỉ lệ %	Ví dụ
1	Hình dáng, kích thước	10	37,04	lồng đèn vuông, lồng đèn hình bánh ú, lồng đèn quả cà na...
2	Tính chất	1	3,7	giấy trong
3	Chất liệu	3	11,11	lồng đèn tre, lồng đèn sắt, lồng đèn gỗ,...
4	Cách thức, hoạt động	6	22,22	thợ vót nan, thợ tiện...
5	Nguồn gốc	2	7,41	len công nghiệp, máy tự chế
6	Đối tượng tác động	5	18,52	dán vải, bỏ sắt, cột dây...
	Tổng	27	100	

354 Tuy nhiên, TNNN của mỗi nghề khác nhau có những
 355 đặc điểm định danh khác nhau: TNNN nghề làm
 356 lồng đèn có 6 đặc điểm định danh, trong khi TNNN
 357 nghề chạm khắc đá Non Nước có 11 đặc điểm định
 358 danh ⁸, TNNN nghề gốm Thanh Hà (Quảng Nam) có
 359 11 đặc điểm định danh ¹, TNNN nghề cá Đồng Tháp
 360 Mười có 8 đặc điểm định danh thuộc nhóm các cơ
 361 sở định danh chung và 11 đặc điểm định danh thuộc
 362 nhóm các cơ sở định danh riêng ⁵,... Điều này cho
 363 thấy TNNN nghề làm lồng đèn có tính thống nhất,
 364 song cũng có tính riêng biệt với cách thức định danh
 365 của TNNN một số ngành nghề truyền thống khác.

366 KẾT LUẬN

367 Tóm lại, nghiên cứu cấu trúc định danh của từ ngữ
 368 nghề làm lồng đèn cho thấy, TNNN chủ yếu có cấu
 369 trúc định danh phức hợp gồm: yếu tố cơ sở kết hợp
 370 yếu tố định danh 1 bậc. Các TNNN có cấu trúc khác
 371 không nhiều. Điều này cho thấy người làm lồng đèn
 372 có nhu cầu phân biệt loại đối tượng xuất hiện trong

373 nghề nhiều hơn nhu cầu chi tiết hóa những đối tượng
 374 đó. Mặt khác, nghiên cứu phương thức định danh của
 375 từ ngữ nghề làm lồng đèn cũng cho thấy, TNNN chủ
 376 yếu có phương định danh trực tiếp với các đặc điểm
 377 thuộc bản thể của đối tượng định danh. Điều này
 378 cho thấy “tư duy trực quan” của người làm nghề lồng
 379 đèn ở Hội An. Trong khi đó, những TNNN được cấu
 380 tạo theo phương thức định danh gián tiếp tuy không
 381 nhiều nhưng thể hiện “tư duy dĩ nhân vi trung” của
 382 những người làm nghề lồng đèn. Kết quả của việc
 383 nghiên cứu phương thức định danh này cũng cho thấy
 384 ảnh hưởng của văn hóa nông nghiệp địa phương đến
 385 việc gọi tên đối tượng xuất hiện trong nghề. Như vậy,
 386 có thể thấy TNNN nghề làm lồng đèn tuy có cách thức
 387 định danh giống như TNNN một số ngành nghề khác
 388 nhưng cũng mang những dấu ấn văn hóa riêng. Do
 389 đó, các nhà giáo, nhà khoa học, nhà nghiên cứu,... cần
 390 lưu ý đến những yếu tố văn hóa này trong việc giảng
 391 dạy, phổ biến, biên soạn từ điển,... nhằm bảo vệ và
 392 phát huy giá trị ngôn ngữ, văn hóa các nghề truyền



Hình 4: Đặc điểm định danh trong từ ngữ nghề làm lồng đèn. Nguồn: ¹

393 thống nói chung, nghề làm lồng đèn ở thành phố Hội
394 An, tỉnh Quảng Nam nói riêng.

395 DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

396 Từ ngữ nghề làm lồng đèn ở thành phố Hội An, tỉnh
397 Quảng Nam viết tắt là từ ngữ nghề làm lồng đèn.

398 Từ ngữ nghề nghiệp viết tắt là TNNN

399 XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

400 Bản thảo này không có xung đột lợi ích.

401 ĐÓNG GÓP CỦA TÁC GIẢ

402 Tác giả tiến hành khảo sát từ ngữ nghề làm lồng đèn
403 tại thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam. Sau đó tác giả
404 phân tích tư liệu điều tra, khảo sát và viết bài nghiên
405 cứu dưới góc độ ngôn ngữ học cấu trúc. Những kết
406 luận được rút ra của bài nghiên cứu góp phần khẳng
407 định mối quan hệ giữa ngôn ngữ, văn hóa và tư duy
408 của con người.

409 TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 410 1. Ngô Thị Thu Hương. Nghiên cứu từ ngữ nghề nghiệp ở Quảng
411 Nam - Đà Nẵng [Luận án Tiến sĩ ngành Ngôn ngữ học]. Học viện
412 Khoa học Xã hội; 2019;.
- 413 2. Lê Văn Trường. Từ ngữ nghề nghiệp nghề gốm Quế. In: Phương
414 ngữ học tiếng Việt (phương ngữ Bắc Bộ). Tài liệu của Viện Ngôn
415 ngữ học. Hà Nội; 2002;.
- 416 3. Hoàng Trọng Canh. Nghiên cứu từ ngữ và văn hóa nghề biển
417 Thanh - Nghệ Tĩnh. Đề tài được tài trợ bởi Quỹ NAFOSTED, đã
418 nghiệm thu; 2014;.
- 419 4. Nguyễn Văn Dũng. Từ ngữ nghề nghiệp nghề biển ở Thanh Hóa
420 (Từ bình diện ngôn ngữ - văn hóa) [Luận án Tiến sĩ ngành Ngôn

ngữ học]. Đại học Vinh; 2016;.

- 421 5. Trần Hoàng Anh. Nghiên cứu từ ngữ nghề nghiệp nghề cá
422 vùng Đồng Tháp Mười. [cited 2017 May 2];Available from:
423 [http://phongdaotaosdh.vinhuni.edu.vn/nghien-cuu-sinh/
424 thong-tin-luan-an-tien-si/seo/luan-an-tien-si-cua-ncs-tran-
425 hoang-anh-chuyen-nganh-ngon-ngu-viet-nam-74166](http://phongdaotaosdh.vinhuni.edu.vn/nghien-cuu-sinh/thong-tin-luan-an-tien-si/seo/luan-an-tien-si-cua-ncs-tran-hoang-anh-chuyen-nganh-ngon-ngu-viet-nam-74166).
- 426 6. Võ Văn Hòe, Hoàng Hương Việt, Bùi Văn Tiếng. Nghề và làng
427 nghề truyền thống đất Quảng. Hà Nội: NXB Văn hóa - Thông
428 tin; 2012;.
- 429 7. Nguyễn Đức Tôn. Đặc trưng văn hóa - dân tộc của ngôn ngữ và
430 tư duy. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội; 2008;.
- 431 8. Ngô Thị Thu Hương. Đặc điểm định danh của từ ngữ nghề chạm
432 khắc đá Non Nước. Tạp chí Từ điển học và Bách khoa thư Việt
433 Nam. 2023;1;.
- 434 9. Hoàng Phê, chủ biên. Từ điển tiếng Việt. Đà Nẵng: NXB Đà
435 Nẵng; 2006;.
- 436

The denominative characteristics in professional jargon of lantern making in Hoi An city, Quang Nam province

Ngo Thi Thu Huong*



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

ABSTRACT

The research examines the denominative characteristics in professional jargon of lantern making in Hoi An, Quang Nam province, from the perspective of structural linguistics. The method used in the study involves descriptive statistical analysis and data modeling. The research findings indicate the following: 1) In terms of structural model, the professional jargon in lantern making primarily has a complex denomination structure model (basic element + 1-level denominative element). This demonstrates a greater need for distinguishing between objects rather than detailing the objects involved in lantern making. 2) In terms of denominative method, the professional jargon in lantern making primarily uses direct denomination methods with characteristics inherent to the objects that appear in the profession (characteristics of shape and size have the greatest number). This reflects the visual thinking of lantern craftsmen when they use attributes that can be recognized through sight to denominate objects in the craft. There are not many terms that use indirect denomination methods, which are formed using metaphors or metonymies related to characteristics of humans' body parts and objects associated with the local agricultural culture. In summary, this research has found structural models and denominative methods in professional jargons of lantern making in Hoi An city, Quang Nam province. On the one hand, these research findings demonstrated the visual thinking and the egocentric thinking of lantern craftsmen. On the other hand, these research findings also demonstrated that the local agricultural culture influenced the way of denomination in professional jargons of lantern craftsmen here.

Key words: denominative characteristics, denomination structure, denomination methods, professional jargons, lantern making

Vietnam Institute of Lexicography and Encyclopedia, Vietnam

Correspondence

Ngo Thi Thu Huong, Vietnam Institute of Lexicography and Encyclopedia, Vietnam

Email: ngohuong.vtd@gmail.com

History

- Received: 01-3-2024
- Revised: 06-9-2024
- Accepted: 23-9-2024
- Published Online:

DOI :



Copyright

© VNUHCM Press. This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Cite this article : Huong N T T. **The denominative characteristics in professional jargon of lantern making in Hoi An city, Quang Nam province.** *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.* 2024; ():1-1.